TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **101/**2024/HNGĐ-ST Ngày: 27/12/2024 V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ

Ông Trần Văn Hưng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà***:** Ông Huỳnh Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 413/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn," theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 291/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị P, sinh năm 1989;

Đăng ký thường trú: Số A ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Chổ ở hiện nay: Thôn E, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lương Văn Ú, sinh năm 1983. Đăng ký thường trú: Số A ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lưu Thị P trình bày:

Vào năm 2013 bà và ông Lương Văn Ú được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2013. Trong thời gian sống chung bà

và ông Lương Văn Ú có 04 con chung tên Lương Nhật T, sinh ngày 26/12/2009, Lương Nhật K, sinh ngày 28/20/2013, Lương Nhật N, sinh ngày 24/01/2020, Lương Nhật T1, sinh ngày 09/9/2021 hiện con chung đang sống chung với với ông Lương Văn Ú. Bà và ông Ú không có tạo lập được tài chung, về nợ chung thì không có.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; hiện nay bà và ông Ú không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lương Văn Ú. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung:* Do điều kiện bà không có nhà riêng không có chổ ở ổn định, hiện nay bà đi làm thuê phải ở trọ ký túc xá của công ty nên không thể trực tiếp chăm sóc con chung. Đối với ông Lương Văn Ú có nhà ở ổn định và điều kiện nhà gần trường học thuận tiện cho con đi học nên bà đồng ý giao cho ông Lương Văn Ú được trực tiếp nuôi 04 con chung tên Lương Nhật T, sinh ngày 26/12/2009, Lương Nhật K, sinh ngày 28/20/2013, Lương Nhật N, sinh ngày 24/01/2020, Lương Nhật T1, sinh ngày 09/9/2021; bà đồng ý cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng/04 con chung. Cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Tại biên bản hòa giải ngày 19/11/2024 bị đơn Lương Văn Ú trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Lưu Thị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông và bà Lưu Thị P hiện nay không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Khi bà P bỏ nhà đi thì dẫn theo cháu Lương Nhật T1, tuy nhiên sau đó ông đến thăm thấy con bị bệnh nên ông đã đưa về sống cùng ông và 03 người con còn lại, ông là người trực tiếp chăm sóc nhưng điều kiện chăm sóc của ông cũng khó khăn.

Qua yêu cầu ly hôn của bà Lưu Thị P thì ông có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Ông muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi con nên ông không muốn ly hôn.

+ Về con chung: Hiện nay ông trực tiếp nuôi 04 con chung nếu bà P có yêu cầu nuôi con thì ông đồng ý giao con cho bà P nuôi, nếu bà P giao cho ông thì ông đồng ý nuôi 04 đứa con chung; Nếu con nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lương Văn Ú đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Lương Văn Ú vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình**;** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Phả . Bà Lưu Thị P được ly hôn với ông Lương Văn Ú.

Về con chung: Giao cho ông Lương Văn Ú được trực tiếp nuôi 04 con chung tên Lương Nhật T, sinh ngày 26/12/2009, Lương Nhật K, sinh ngày 28/20/2013, Lương Nhật N, sinh ngày 24/01/2020, Lương Nhật T1, sinh ngày 09/9/2021; Ghi nhận bà Lưu Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng/04 con chung; Cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí tuyên theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lương Văn Ú hiện có đăng ký thường trú tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Ông Lương Văn Ú đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Ú vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lương Văn Ú.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Lưu Thị P và ông Lương Văn Ú kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2013. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà P và ông Ú được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà Lưu Thị Phả X ly hôn với ông Lương Văn Ú là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, Xét thấy: Hiện nay bà Lưu Thị P và ông Lương Văn Ú không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Ông Lương Văn Ú không đồng ý ly hôn với lý do muốn ông bà hàn gắn để cùng nuôi con, tuy nhiên hiện nay bà P, ông Ú không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc cho nhau; ông Ú mong muốn hàn gắn tình cảm với bà P tuy nhiên trong suốt thời gian không còn sống chung ông Ú cũng không có biện pháp nào để khắc phục và hàn gắn tình cảm với bà P. Tòa án đã tạo điều kiện để bà P, ông Ú hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông Ú vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Lưu Thị P và ông Lương Văn Ú đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Thị P là phù hợp. Do bà Lưu Thị P không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà Lưu Thị P và ông Lương Văn Ú có 04 con chung tên Lương Nhật T, sinh ngày 26/12/2009, Lương Nhật K, sinh ngày 28/20/2013, Lương Nhật N, sinh ngày 24/01/2020, Lương Nhật T1, sinh ngày 09/9/2021. Xét thấy: Từ khi bà P, ông Ú không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì 04 con chung do Ú trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác bà P không có nhà riêng không có chổ ở ổn định, hiện nay bà P đi làm thuê phải ở trọ ký túc xá của công ty nên không thể trực tiếp chăm sóc con chung. Lẽ đó cần giao cho ông Lương Văn Ú được tiếp tục nuôi 04 con chung tên Lương Nhật T, sinh ngày 26/12/2009, Lương Nhật K, sinh ngày 28/20/2013, Lương Nhật N, sinh ngày 24/01/2020, Lương Nhật T1, sinh ngày 09/9/2021 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Lưu Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đồng/04 con chung cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà Lưu Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lưu Thị Phả . Bà Lưu Thị P được ly hôn với ông Lương Văn Ú.

Do bà Lưu Thị P và ông Lương Văn Ú không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Giao cho ông Lương Văn Ú được trực tiếp nuôi 04 con chung tên Lương Nhật T, sinh ngày 26/12/2009, Lương Nhật K, sinh ngày 28/20/2013, Lương Nhật N, sinh ngày 24/01/2020, Lương Nhật T1, sinh ngày 09/9/2021.

Ghi nhận bà Lưu Thị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đồng/04 con chung/tháng cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lưu Thị P phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005294 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng: Bà Lưu Thị P phải nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Nhuận (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê